

Bản án số: 708/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thịnh;

2. Bà Trần Thị Thanh Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 718/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Hoàng V, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Tổ A khu T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thanh Huyền K (Tên gọi khác: Lê Thị Thanh H), sinh năm 1977; Nơi cư trú: Căn hộ A Chung cư E, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại các bản tự khai nguyên đơn ông Vũ Hoàng V trình bày:

Ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (tên gọi khác: Lê Thị Thanh H) tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số S.R./R.B.D.&M, đăng ký ngày 21 tháng 5 năm 2002 tại quận H, L, Vương Quốc A), đến năm 2023 có làm thủ tục đề nghị Ghi chú kết hôn tại Phòng Tư pháp - Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo trích lục ghi chú kết hôn số 50/TLGCKH ngày 09/11/2023 ghi vào Sổ hộ tịch: việc đăng ký kết hôn của bà Lê

Thanh Huyền K và ông Vũ Hoàng V tại quận H, L, Vương quốc Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số S.R./R.B.D.&M ngày 21/5/2002.

Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc, sau khi kết hôn xong năm 2011 thì ông V, bà H cùng các con về Việt Nam sinh sống. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách dạy con, cách sinh hoạt. Vì các lý do này quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống. Tuy rằng vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không cải thiện. Đến đầu năm 2020, ông V và bà H ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài thêm nên ông V đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Thanh H.

- Về con chung: Ông V và bà Lê Thanh Huyền K có 02 (Hai) con chung, họ tên là: Vũ Hoàng M (Giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2008 và Vũ Hoàng Anh M1 (Giới tính: nữ), sinh ngày 06/01/2011. Hiện hai con chung đang sống với bà H, để các con ổn định thì sau khi ly hôn, ông V đề nghị giao cả 02 (Hai) con chung cho bà Lê Thanh H Karine trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng.

Trường hợp nếu hai con chung có nguyện vọng sống với ông V thì ông V sẽ chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Việc ông V chấm dứt hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Lê Thanh Huyền K (tên gọi khác: Lê Thị Thanh H) trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Bà H thống nhất với phần trình bày của ông V về quá trình tiến đến hôn nhân. Sau khi đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 21 tháng 5 năm 2002 tại quận H, L, Vương Quốc A, vợ chồng chung sống tại Anh đến năm 2011 thì bà H, ông V và các con về Việt Nam sinh sống.

Bà H và ông V có mua căn hộ chung cư (căn hộ mà bà H đang tạm trú hiện tại) là 34.06 Block A4, chung cư E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đó, do căn hộ đang trong quá trình hoàn thiện nên vợ chồng bà và hai con ở Hà Nội cuối

tuần về thăm ông bà nội ở Phú Thọ. Đến năm 2014, vợ chồng và hai con chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống.

Quá trình sống chung thì hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Từ năm 2020, ông V thường xuyên ra ngoài Phú Thọ để phụ quản lý trường học cấp 3 do ba của ông V thành lập. Trong thời gian đó, ông V vẫn đi về qua lại giữa Thành phố Hồ Chí Minh và Phú Thọ cho đến tháng 10/2023 thì ông V không về lại Thành phố Hồ Chí Minh nữa. Quá trình đó, bà có nhiều lần liên lạc bằng điện thoại nhưng ông V không bắt máy. Bà có tìm hiểu nguyên nhân thì được biết ông V có tình cảm với người phụ nữ khác nhưng ông V phủ nhận không có vấn đề đó.

Ông V đề nghị ly hôn bà không đồng ý, vì theo bà H: bà H và ông V có bề dày tình yêu 24 năm và có hai con chung đủ trai, gái xinh đẹp, thông minh; Nên sau những phút yếu lòng thì ông V sẽ quay lại cùng với bà chăm sóc, nuôi dạy hai con như đã tính toán với nhau, bà và ông V sẽ đưa hai con về lại Luân Đ cho chúng một tương lai. Đồng thời, bà đưa ra phương án đoàn tụ như sau: bà và hai con sẽ chuyển ra Hà Nội sinh sống để ông V tiện đi lại mỗi ngày để cùng chăm sóc các con; gặp chuyên gia tâm lý về hôn nhân và gia đình để hàn gắn và giải tỏa những nỗi niềm của hai vợ chồng và hai con. Tuy nhiên, sau thời gian đề ra phương án hòa giải đoàn tụ như trên thì do ông V không chịu liên hệ cũng như nói chuyện rõ ràng với bà về những vấn đề bà đang khúc mắc nên vẫn chưa hòa giải đoàn tụ được. Tuy nhiên, bà vẫn không đồng ý ly hôn với ông V vì còn nhiều vấn đề tồn đọng trong hôn nhân chưa được hai bên ngồi lại giải quyết một cách thỏa đáng.

Về con chung: Bà Lê Thanh Huyền K và ông Vũ Hoàng V có 02 (Hai) con chung, họ tên là: Vũ Hoàng M (Giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2008 và Vũ Hoàng Anh M1 (Giới tính: nữ), sinh ngày 06/01/2011. Hiện hai con chung đang sống với bà H.

Trong trường hợp, ông V vẫn yêu cầu ly hôn thì ý kiến của bà về việc nuôi con chung như sau: do các con có nguyện vọng muốn ở với bà H, nên bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, đề nghị ông V cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi con chung là 25.000.000 đồng. Mức cấp dưỡng 25.000.000 đồng/tháng/01 con chung, bà H đưa ra là dựa vào chi phí tối thiểu hàng tháng cho 01 con chung là 30.000.000 đồng, cụ thể bao gồm:

- Học phí tại trường L, T, Thành phố Hồ Chí Minh: Bé M là 15.584.000 đồng/tháng, bé M1 là 14.361.000 đồng/tháng.
- Phí xe đưa đón là 2.000.000 đồng/01 bé/01 tháng.
- Phí ăn trưa là 1.370.000 đồng/01 bé/01 tháng
- Chi phí đi G hoặc Be đến trạm xe bus: 2.000.000 đồng/01 bé/01 tháng.
- Tiền ăn là 7.500.000 đồng/01 bé/01 tháng.

- Sách vở, bút là 250.000 đồng/01 bé/01 tháng.

Ngoài ra, còn tiền thuốc men, phí đi giải trí, nghỉ mát tầm 10.000.000 đồng – 20.000.000 đồng/năm.

Đối với việc cung cấp hóa đơn chứng từ, chứng minh chi phí nêu trên thì bà H cho rằng không cần thiết vì ông V là ba của hai bé ông V hoàn toàn biết chi phí hàng tháng phải bỏ ra cho việc nuôi các con ông ấy.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên các ý kiến nêu trên và trình bày thêm:

Về tình cảm vợ chồng: bà thừa nhận từ năm 2021, bản thân bà đã cảm nhận ông V có sự thay đổi về tình cảm. Tháng 8/2022, bà và các con ra Phú Thọ thăm ông V, bà có nghe thông tin ông V có người phụ nữ khác nhưng ông V phủ nhận. Thời gian đó, bà vẫn còn niềm tin với ông V nên bà rất tự tin và tin tưởng những gì ông V nói. Đến tháng 9 - 10/2022, bà và các con có ra thăm ông V, bà vẫn nghe thông tin về câu chuyện ông V có người phụ nữ khác, ông V vẫn khẳng định chỉ là quan hệ đồng nghiệp với nhau. Tháng 6 và tháng 10/2023, do bà và các con không có điều kiện ra Phú Thọ nên ông V sắp xếp vào Thành phố Hồ Chí Minh thăm các con. Vào tháng 11/2023, có người liên hệ với bà về việc ông V làm thủ tục ly hôn với bà, bà rất ngạc nhiên và bà có điện thoại hỏi ông V thì ông V thừa nhận là muốn ly hôn do không hợp thì chia tay. Bà nghĩ tính đến thời điểm hiện tại hôn nhân không phải đơn thuần chỉ là tình cảm vợ chồng mà còn con cái nữa nên bà có thuyết phục nhưng ông V không đồng ý. Bà có đưa ra nhiều giải pháp hòa giải như: đưa hai con về lại Luân Đ cho chúng một tương lai, gặp chuyên gia tâm lý về hôn nhân và gia đình để hàn gắn. Nhưng ông V không trả lời, thờ ơ, không liên lạc. Và từ thời điểm đó đến nay, ông V không tới lui thăm nom, chăm sóc các con nữa, hàng tháng ông V tự động để 10.000.000 đồng vào tài khoản để bà lo cho các con. Nhưng thật sự bà phải nhờ vào sự giúp đỡ của phía gia đình bà rất nhiều cũng như phải cần thêm sự hỗ trợ của chính phủ Pháp về việc giảm học phí cho các con và bản thân bà cũng phải làm một số công việc như dịch thuật, mua bán hàng online thì mới trụ được đến thời điểm hiện tại.

Đồng thời, vì lý do sức khỏe không cho phép gặp trực tiếp ông V để giải quyết vấn đề khúc mắc trong lòng bà, vì: bao năm bà cố gắng nhưng nhận lại sự không chung thủy của ông V để rồi ly hôn là quá ám ức, thiệt thòi cho bà. Quá trình sống chung, bà H và ông V cũng có mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất xuất phát từ vấn đề sinh hoạt cá nhân chứ không phải là những mâu thuẫn lớn để dẫn đến phải ly hôn.

Còn về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, thì thật sự số tiền 5.000.000 đồng cho mỗi con không đủ để sống ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nên bà không đồng ý số tiền cấp dưỡng như ông V đề xuất. Nếu ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ông V phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 25.000.000 đồng.

Về tài sản chung: bà mong muốn ông V phải gặp bà thỏa thuận về tài sản cho xong trước khi giải quyết ly hôn, nhưng thực tế ông V luôn trốn tránh không chịu gặp bà. Tuy nhiên, bà H trình bày do tài sản chung không nhiều, giá trị cũng không lớn và hiện tại bà cũng không có tiền để thực hiện các thủ tục chia tài sản chung. Vì vậy, trong vụ án này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Vũ Hoàng V khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) và bà H đang cư trú tại Quận G. Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn ông Vũ Hoàng V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chỉ xem xét giải quyết khi đương sự có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số S.R./R.B.D.&M, đăng ký ngày 21 tháng 5 năm 2002 tại quận H, L, Vương Quốc A và trích lục ghi chú kết hôn số 50/TLGCKH ngày 09/11/2023 tại Phòng Tư pháp - Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ghi vào Sổ hộ tịch: việc đăng ký kết hôn của bà Lê Thanh Huyền K và ông Vũ Hoàng V. Do đó, có đủ cơ sở để xác định ông V và bà H là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thanh Huyền K của ông Vũ Hoàng V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn về mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn theo bị đơn trình bày trong phần nội dung vụ án nêu trên. Có đủ cơ sở xác định mối quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H không đạt được nên ông V yêu cầu ly hôn với bà H.

Xét, quan hệ hôn nhân là dựa trên sự tự nguyện, cả hai vợ chồng phải cùng nhau xây dựng vun đắp trên cơ sở yêu thương nhau, không thể chỉ xuất phát từ một phía bà H. Hiện tại ông V không còn tình cảm vợ chồng với bà H, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về tình nghĩa vợ chồng: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Theo đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H đã đến mức trầm trọng, trên thực tế không còn phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không còn yêu thương, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên yêu cầu ly hôn của ông V là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Mặt khác, bà H không đồng ý ly hôn và đưa các phương án hòa giải đoàn tụ hàn gắn như: bà và ông V gặp chuyên gia tâm lý về hôn nhân và gia đình, đưa hai con về lại Luân Đôn cho hai con chung một tương lai. Tuy nhiên, theo sự trình bày của bị đơn thì thực tế các phương án này bị đơn đã đưa ra từ trước khi Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý giải quyết vụ án; Và trong quá trình giải quyết vụ án cho đến hiện tại thì ông V vẫn không đồng ý với các phương án đoàn tụ của bà H, ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tình trạng hôn nhân của bà H và ông V không có sự cải thiện. Thêm vào đó, bà H đưa ra phương án hòa giải đoàn tụ là: bà và hai con sẽ chuyển ra Hà Nội sinh sống để ông V tiện đi lại mỗi ngày để cùng chăm sóc các con nhưng ông V vẫn không đồng ý và thực tế từ tháng 11/2023 đến nay cả hai không còn sống chung, có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự xác nhận của ông V và bà H, có đủ cơ sở xác định: ông V và bà H có 02 (Hai) con chung, họ tên: là Vũ Hoàng M (Giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2008 và Vũ Hoàng Anh M1 (Giới tính: nữ), sinh ngày 06/01/2011.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Ông V đề nghị giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trong trường hợp: hai con có nguyện vọng sống với ông thì ông sẽ đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà H trình bày do các con có nguyện vọng muốn ở với bà H nên bà đồng ý trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và đề nghị ông V cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Tại bản tự khai của trẻ Vũ Hoàng M và Vũ Hoàng A1 M1 có nội dung “Con muốn ở với mẹ”.

Thực tế hai con chung đang do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho con chung phát triển lành mạnh, hài hòa về thể chất và tinh thần đồng thời

phù hợp với nguyện vọng của hai con chung, phù hợp với ý kiến của nguyên đơn và bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử giao hai con chung là trẻ Vũ Hoàng M và Vũ Hoàng Anh M1 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[3.2.2] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông V đề nghị mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng với số tiền 5.000.000 đồng; bà H đề nghị ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng với số tiền là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “1. *Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp...*”; Khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về quyền nghĩa vụ của đương sự: “...5. *Cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình ...*” và theo Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “1. *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*”. Các quy định trên cho thấy nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu và lời trình bày của mình.

Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Vũ Hoàng V cung cấp cho Tòa án xác nhận lương của 06 tháng gần nhất (từ tháng 02/2024 đến 07/2024) thể hiện mức thu nhập thực tế hàng tháng của ông V là 15.000.000 đồng. Đối với, bị đơn bà H: Tòa án có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu bị đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ chứng minh công việc hiện tại của nguyên đơn ông Vũ Hoàng V đang làm, mức thu nhập hàng tháng của nguyên đơn; bản sao các tài liệu, chứng cứ chứng minh chi phí hợp lý để đảm bảo nhu cầu thiết yếu hàng tháng nuôi dưỡng con chung, bao gồm: các chi phí thông thường về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác. Nhưng bị đơn bà H không cung cấp tài liệu chứng cứ nào cho Tòa.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “...4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích cuối cùng của chế định cấp dưỡng là phục vụ nhu cầu sống, phát triển tối thiểu của con chung sau khi ly hôn.

Tại Khoản 24 Điều 3 Luật HNGD năm 2014 quy định: “*Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống*”

hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc người gặp khó khăn, túng thiếu theo quy định của Luật này”. Theo đó, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Ông V không trực tiếp nuôi con chung nên ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

Bà H yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 25.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh chi phí hợp lý để đảm bảo nhu cầu thiết yếu hàng tháng nuôi dưỡng con chung, bao gồm: các chi phí thông thường về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế hàng tháng của ông V đủ đảm bảo mức cấp dưỡng cho con chung theo yêu cầu của bà H.

Cho nên để đảm bảo việc chi trả những chi phí sinh hoạt cho nhu cầu thiết yếu của hai con chung theo quy định tại Khoản 20 Điều 3 Luật Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cũng đồng thời đảm bảo các chi phí thông thường cần thiết cho cuộc sống của ông V; Và xét về nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung thì cả ông V và bà H đều phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 71 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi mỗi con chung với số tiền là 5.000.000 đồng/tháng của ông V; không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 25.000.000 đồng.

[3.2.3] Về phương thức và thời gian cấp dưỡng:

Theo quy định tại Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: “*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần...; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều mong muốn việc cấp dưỡng nuôi con chung theo phương thức định kỳ hàng tháng. Do đó, buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo phương thức định kỳ hàng tháng. Ông V được trả lương từ ngày 10 đến 12 dương lịch hàng tháng nên ông V thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 13 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thi hành vào tháng 12/2024.

[3.3] Về tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông V xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 10/7/2024 và ngày 31/10/2024, bà H yêu cầu ông V phải thỏa thuận về tài sản chung. Tại các Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 31/10/2024 và ngày 11/9/2024, bà H trình bày về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà H xác nhận: bà mong muốn ông V phải gặp bà thỏa thuận về tài sản cho xong trước khi giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, ông V không chịu gặp bà và do tài sản chung không nhiều, giá trị cũng không lớn và hiện tại bà cũng không có tiền để thực hiện các thủ tục chia tài sản chung. Vì vậy, trong vụ án này bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Do đó, giành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung (nếu có) giữa ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) xác nhận không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Ông Vũ Hoàng V phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Ông V và bà H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 70; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 20, 24 Điều 3; Điều 19; Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (Giấy chứng nhận kết hôn số S.R./R.B.D.&M, đăng ký ngày 21 tháng 5 năm 2002 tại quận H, L, Vương Quốc A và Trích lục ghi chú kết hôn số 50/TLGCKH ngày 09/11/2023 tại Phòng Tư pháp - Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ghi vào Sổ hộ tịch: việc đăng ký kết hôn của bà Lê Thanh Huyền K và ông Vũ Hoàng V).

2. Về con chung: ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) có 02 (Hai) con chung, họ tên là: Trẻ Vũ Hoàng M (Giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2008 và trẻ Vũ Hoàng Anh M1 (Giới tính: nữ), sinh ngày 06/01/2011.

Sau khi ly hôn giao hai con chung là trẻ Vũ Hoàng M và Vũ Hoàng Anh M1 cho bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Vũ Hoàng V cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 5.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 13 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành vào tháng 12 năm 2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Vũ Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung mà không ai có quyền cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung (nếu có) giữa ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Ông Vũ Hoàng V và bà Lê Thanh Huyền K (Lê Thị Thanh H) xác nhận không có.

5. Án phí sơ thẩm:

5.1 Ông Vũ Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo: Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019123 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001316447 ngày 04/6/2024, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản 3949.0.1053934.00000 tại Kho bạc nhà nước Q, Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 279/TB-TA ngày 31 tháng 5 năm 2024, Mã thông báo: OXTASUVHKC.

5.2 Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Vũ Hoàng V phải chịu, nộp tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử công khai, tuyên án có mặt bị đơn. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**